TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2024/DS-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Hữu Luynh**
2. Ông **Lê Văn Hiển**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đinh Ngọc Tr**, sinh năm 1993;
Bà **Đinh Thị Bích Th**, sinh năm 1993;
Địa chỉ: đường X, Phường Tr, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:
Ông **Đinh Bá Ch**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Theo văn bản uỷ quyền ngày 19/02/2024.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Thế Kh**, sinh năm 1984;
Bà **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: đường L, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các ông Ch, Tr có mặt, ông Kh, bà L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đinh Bá Ch trình bày:

Do có mối quan hệ là anh em trong gia đình nên vợ chồng ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ có cho vợ chồng ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền như sau:

- Ngày 12/01/2022, ông Kh, bà L vay số tiền 50.000.000đ, vay không kỳ hạn và không thoả thuận về lãi suất.

- Ngày 20/6/2022, ông Kh, bà L tiếp tục vay vợ chồng ông Tr số tiền 2.000.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng (kể từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/12/2022). Lãi suất thoả thuận bằng lãi suất Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Ngân hàng VIB), theo hợp đồng tín dụng số 2226053.22 ngày 07/6/2022 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8306456.22 ngày 20/6/2022 được ký kết giữa vợ chồng ông Tr với ngân hàng. Vợ chồng ông Tr đã vay số tiền 2.000.000.000đ của Ngân hàng VIB và cho ông Kh, bà L vay lại nên ngày 20/6/2022 Ngân hàng VIB giải ngân số tiền 2.000.000.000đ chuyển khoản vào tài khoản số 250919913 của bà Nguyễn Thị Trúc L tại Ngân hàng VIB. Đến hạn trả nợ theo thoả thuận ban đầu (ngày 20/12/2022), ông Kh, bà L không có khả năng trả nợ nên xin gia hạn thời hạn vay và tiếp tục đóng lãi theo lãi suất ngân hàng đến ngày 20/4/2023 và được vợ chồng ông Tr đồng ý. Lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/12/2022 là 9,1%, từ ngày 21/12/2022 đến ngày 20/6/2023 là 13,3%.

Ngoài ra, vợ chồng bà L làm chủ cái dây huê 20.000.000đ, gồm 15 phần, áp cái ngày 13/4/2022, vợ chồng ông Tr tham gia chơi 01 phần và hốt chót với số tiền là 300.000.000 nhưng vợ chồng bà L chưa chồng huê cho vợ chồng ông Tr số tiền này.

Ngày 28/6/2023, ông Kh, bà L có lập biên bản xác nhận nợ với vợ chồng ông Tr số tiền 2.350.000.000đ.

Kể từ khi đến hạn trả nợ, ông Kh, bà L chưa thanh toán cho vợ chồng ông Tr số tiền đã vay và tiền huê mặc dù đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông Kh cố tình lẩn tránh. Ngày 13/9/2023, vợ chồng ông Tr đã gửi thông báo cho ông Kh, bà L yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 30/9/2023.

Nay yêu cầu vợ chồng ông Kh, bà L trả cho vợ chồng ông Tr, bà Th số tiền cụ thể như sau:

- Khoản vay 50.000.000đ tiền gốc. Tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 01/10/2023 (thời hạn chậm trả từ ngày 01/10/2023 là ngày tiếp theo liền kề của ngày 30/9/2023 được coi là ngày hết thời hạn hợp lý theo thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 05/7/2024 là 3.794.520đ = 50.000.000đ x 10%/năm : 365 ngày x 277 ngày, tổng cộng gốc và lãi là 53.794.520đ.

- Khoản vay 2.000.000.000đ, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/4/2023). Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 480.986.301đ = 2.000.000.000đ x 13,3% x 150% : 365 ngày x 440 ngày (từ ngày 21/4/2023 đến ngày 05/7/2024), tổng cộng gốc và lãi là 2.480.986.301đ.

- Khoản tiền nợ huê là 300.000.000đ. Nay ông xác định 300.000.000đ là tiền huê nên xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về huê đối với khoản tiền này.

Tổng cộng yêu cầu vợ chồng ông Kh, bà L trả cho vợ chồng ông Tr, bà Th số tiền 2.834.780.821đ, trong đó nợ vay là 2.534.780.821đ, nợ huê là 300.000.000đ.

Bị đơn ông Kh, bà L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Mặt khác, ông Ch là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tr, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Kh, bà L phải trả số tiền vay và tiền huê cho vợ chồng ông Tr, bà Th cụ thể như sau:

Khoản vay 50.000.000đ: 50.000.000đ x 10%/năm : 365 ngày x 321 ngày (từ ngày 01/10/2023 đến ngày 16/8/2024) = 4.397.260đ, tổng cộng gốc và lãi là 54.397.260đ.

Khoản vay 2.000.000.000đ: 2.000.000.000đ x 13,3% x 150% : 365 ngày x 484 ngày (từ ngày 21/4/2023 đến ngày 16/8/2024) = 529.084.931đ, tổng cộng gốc và lãi là 2.529.084.931đ.

Khoản tiền huê 300.000.000đ. Tổng cộng 2.883.482.191đ, trong đó nợ vay là 2.583.482.191đ, nợ huê là 300.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)"* đối với bị đơn ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L.

Buộc ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ số tiền 2.883.482.191đ *(Hai tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Tr, bà Th khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Kh, bà L phải trả số tiền 2.883.482.191đ, trong đó 2.583.482.191đ tiền nợ vay và 300.000.000đ tiền nợ huê. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)"*. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại đường L, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 24 tháng 7 năm 2024, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo thủ tục chung.

[1.3] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*". Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 2.883.482.191đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2] Nguyên đơn cho rằng xuất phát từ mối quan hệ anh em trong gia đình (bà Th là em gái ông Kh) nên ông Tr, bà Th cho ông Kh, bà L vay 50.000.000đ vào ngày 12/01/2022, vay không kỳ hạn và không thoả thuận về lãi suất; ngày 20/6/2022 vay 2.000.000.000đ, thông qua việc vợ chồng ông Tr vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Ngân hàng VIB) và cho ông Kh, bà L vay lại nên ngân hàng đã chuyển số tiền này vào tài khoản của bà L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/6/2022, thời hạn vay là 06 tháng, sau đó gia hạn đến ngày 20/4/2023, lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà ông Tr, bà Th ký kết với ngân hàng. Ngoài ra, bà L làm chủ cái dây huê 20.000.000đ, gồm 15 phần, áp cái ngày 13/4/2022, vợ chồng ông Tr tham gia chơi 01 phần và hốt chót với số tiền 300.000.000đ nhưng bà L chưa chồng huê. Ngày 28/6/2023, bà L lập biên bản xác nhận nợ số tiền 2.350.000.000đ và giao

biên bản cho vợ chồng ông Tr giữ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bản chính biên bản xác nhận nợ ngày 28/6/2023 (bút lục 51) thể hiện nội dung:*"Tôi tên Nguyễn Thị Trúc L, chồng tôi là Đinh Thế Kh xác nhận có nợ ông bà Đinh Ngọc Tr, Đinh Thị Bích Th khoản nợ sau: Thứ nhất khoản vay 2 tỷ đồng tại ngân hàng VIB. Vợ chồng tôi nhờ cắm sổ đất để vay khoản vay này (lãi suất trả hàng tháng là 22 triệu đồng), khoản nợ tiếp theo tôi có nợ bà Đinh Thị Bích Th 50 triệu đồng từ ngày 12/01/2022 và vợ tôi bà Nguyễn Thị Trúc L có nợ bà Đinh Thị Bích Th tiền huê là 300 triệu đồng (huê 20 triệu/tháng) từ ngày 13/4/2022 đến nay…".*

[2.3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông Kh, bà L. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà L trong biên bản xác nhận nợ ngày 28/6/2023 với chữ ký, chữ viết trong bản tự khai ngày 18/10/2023 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cập công khai chứng cứ ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương lập giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Th, bị đơn ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L. Tại Kết luận giám định số 34/KL-KTHS (TA) ngày 06/5/2024 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận "Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Trúc L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Trúc L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra" (bút lục 79).

[2.5] Như vậy, có căn cứ khẳng định bà L vay của vợ chồng ông Tr, bà Th số tiền 50.000.000đ vào ngày 12/01/2022; 2.000.000.000đ vào ngày 20/6/2022. Ngoài ra, bà L làm chủ cái dây huê 20.000.000đ, gồm 15 phần, áp cái ngày 13/4/2022, vợ chồng ông Tr tham gia chơi 01 phần và hốt chót với số tiền 300.000.000đ nhưng bà L chưa thực hiện nghĩa vụ giao tiền huê cho vợ chồng ông Tr. Mặc dù, trong biên bản xác nhận nợ ngày 28/6/2023 có tên ông Kh nhưng chỉ một mình bà L ký. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 25/4/2024 tại UBND thị trấn Th (bút lục 99) thì bà L, ông Kh là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2012, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông Kh phải có nghĩa vụ cùng bà L trả nợ chung cho vợ chồng ông Tr là phù hợp.

[2.6] Về lãi suất:

[2.7] Đối với khoản vay 50.000.000đ: Nguyên đơn cho rằng khoản vay này không thoả thuận về lãi suất và vay không kỳ hạn, điều này cũng phù hợp với việc xác nhận nợ của bà L trong biên bản xác nhận nợ ngày 28/6/2023 chỉ thể hiện số tiền vay là 50.000.000đ, không thể hiện thời hạn cũng như lãi suất vay. Sau khi bà L xác

nhận nhận nợ, ngày 13/9/2023 vợ chồng ông Tr đã gửi thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ chậm nhất là ngày 30/9/2023 nhưng ông Kh, bà L không thực hiện trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền 4.397.260đ = 50.000.000đ x 10%/năm : 365 ngày x 321 ngày (từ ngày 01/10/2023 đến ngày 16/8/2024 là ngày xét xử sơ thẩm) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.8] Đối với khoản vay 2.000.000.000đ: Trong biên bản xác nhận nợ ngày 28/6/2023, bà L ghi số tiền lãi phải trả hàng tháng là 22.000.000đ, mức lãi suất này cũng phù hợp với mức lãi suất 13,3%/năm của nguyên đơn yêu cầu. Mặc dù, trong biên bản xác nhận nợ thì số tiền 2.000.000.000đ không thể hiện thời hạn vay. Tuy nhiên, số tiền này vợ chồng ông Tr vay của Ngân hàng VIB và cho vợ chồng bà L vay lại, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/6/2022 của Ngân hàng VIB thì khoản vay có thời hạn, do đó nguyên cho rằng các bên thoả thuận thời hạn vay là 06 tháng, sau đó gia hạn đến ngày 20/4/2023 nhưng bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 529.084.931đ = 2.000.000.000đ x 13,3% x 150% : 365 ngày x 484 ngày (từ ngày 21/4/2023 đến ngày 16/8/2024) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.9] Như vậy, tổng cộng số tiền vợ chồng ông Kh, bà L còn nợ vợ chồng ông Tr, bà Th 2.883.482.191đ, trong đó nợ vay 2.583.482.191đ (50.000.000đ nợ gốc + 4.397.260đ nợ lãi; 2.000.000.000đ nợ gốc + 529.084.931đ nợ lãi), 300.000.000đ nợ huê và chưa thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[2.10] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tr, bà Th, buộc bị đơn ông Kh, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tr, bà Th số tiền 2.883.482.191đ (trong đó nợ vay 2.583.482.191đ, nợ huê 300.000.000đ) là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng*:* Chi phí giám định là 4.680.000đ. Do yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí*:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu 89.669.644đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 161, 205, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)"* của nguyên đơn ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ đối với bị đơn ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L.

Buộc ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ số tiền 2.883.482.191đ *(Hai tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ 4.680.000đ *(Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Buộc ông Đinh Thế Kh, bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 89.669.644đ *(Tám mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đinh Ngọc Tr, bà Đinh Thị Bích Thuỷ 42.364.000đ *(Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)* theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002384 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn